TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/DS-PT
Ngày: 16-4-2019
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho bất động sản vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Việt là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho bất động sản vô hiệu.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2018/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã AN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đoàn Hồng A,

Cư trú tại: Thôn NC, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Đoàn Hồng B

Cư trú tại: Thôn VS, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đoàn Thị Hồng C,

Cư trú tại: Thôn VS, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

2. Chị Đoàn Thị Hồng D,

Cư trú tại: Thôn PL, xã TP, huyện TS, tỉnh Bình Định.

3. Chị Đoàn Thị Hồng E,

Cư trú tại: 36/70 đường LDH, tổ X, phường TN, thành phố PK, tỉnh Gia Lai.

4. Anh Đoàn Văn F,

Cư trú tại: XN, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh Đoàn Hồng G,

Cư trú tại: Xóm Bắc NC, thôn NC, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

6. Chị Nguyễn Thị Thùy H,

Cư trú tại: Xóm Bắc NC, thôn NC, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

7. Chị Đoàn Thị Hồng I,

Cư trú tại: Xóm bắc NC, thôn NC, xã NH, thị xã AN, Bình Định.

(Chị Đoàn Thị Hồng I đã ủy quyền cho anh Đoàn Văn F tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 350/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/01/2018 tại văn phòng công chứng VTV, tỉnh Đồng Nai).

8. Chị Đoàn Thị Lệ K,

Cư trú tại: Xóm Bắc NC, thôn NC, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

9. Chị Đoàn Thị Hồng L,

Cư trú tại: Thôn NT, xã NT, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

10. Chị Đoàn Thị Hồng M,

Cư trú tại: HL, phường ĐĐ, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

11. Chị Bùi Thị Thùy N,

Cư trú tại: Thôn VS, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

12. bà Đoàn Thị O,

Cư trú tại: Thôn NC, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

13. Ông Đoàn Hồng P,

Cư trú tại: Thôn NC, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

14. bà Đoàn Thị Q,

Cư trú tại: Thôn NC, xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2017, đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện 23/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Hồng A trình bày:

Ngày 11.12.1993 Ủy ban nhân dân thị xã AN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01343 cho ông Đoàn Hồng A được quyền sử dụng thửa đất số 121, tờ bản đồ số 7, diện tích 480m^2 (trong đó 200m^2 đất ở và 280m^2 đất vườn) tại địa chỉ xã NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

Nguồn gốc đất này của ông bà cố ông để lại. Ông bà cố chết không để lại di chúc, ông nội là AA thừa kế. Sau khi ông nội, bà nội BB chết không để lại di chúc, cha ông là CC, mẹ là DD thừa kế nhà đất này. Cha ông chết năm 1957, mẹ ông chết năm 1995, không để lại di chúc. Cha mẹ ông có 04 người con, hiện còn sống gồm ông, bà Đoàn Thị O, ông Đoàn Hồng P và bà Đoàn Thị Q. Khi còn sống cha mẹ ông xây dựng một ngôi nhà tranh, vách đất. Sau khi cha mẹ chết, ông cùng vợ là EE quản lý, sử dụng nhà đất này. Năm 1970 nhà xuống cấp, do con đông không có tiền nên các anh chị Đoàn Thị Hồng YY của ông là bà Đoàn Thị O, ông Đoàn Hồng P góp tiền xây dựng lại ngôi nhà diện tích 9mx6m, vợ chồng ông chỉ có công coi ngó, thuốc hút và cơm trưa cho thợ. Sau khi xây dựng lại nhà, vợ chồng, con cái ông sử dụng nhà từ đó cho tới nay.

Ngày 14 tháng 7 năm 2000, gia đình ông họp phân nhà ở diện tích (9mx6m) như sau: chia cho anh là F gian nhà diện tích (5m x 6m), anh Đoàn Hồng B gian nhà diện tích (4m x 6m) và lối đi rộng 80 phân từ trước ra sau giếng nước, anh Đoàn Hồng G lô đất trống diện tích (4,5m x 25m). Việc cho nhà, đất được thể hiện tại Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14 tháng 7 năm 2000 nhưng không công chứng, chứng thực và không được sự chấp thuận của Ông Đoàn Hồng P, bà Đoàn Thị Q, bà Đoàn Thị O.

Vợ ông mất năm 2016, tháng 12 năm 2016 vào ngày cúng ngu vợ ông, gia đình có họp và thống nhất: anh Đoàn Hồng B chăm sóc ông và được nhận phần nhà anh Đoàn Văn F được chia năm 2000 cùng số tiền 40.000.000đ phúng điếu để lo phụng sự ông và nhang khói, cúng giỗ ông bà. Tuy nhiên, do anh Đoàn Hồng B không thực hiện tốt việc chăm sóc cha, cúng giỗ ông bà nên ngày 02 tháng 4 năm 2017 gia đình họp và lập Giấy cho nhà ở, giao toàn bộ nhà cho anh Đoàn Hồng G ở, lo việc thờ cúng và phụng dưỡng cha. Tuy nhiên, Giấy cho nhà ở ngày 02 tháng 4 năm 2017 không công chứng, chứng thực và không được sự chấp thuận của bà Đoàn Thị Q, bà Đoàn Thị O.

Sau khi được tặng cho nhà đất, anh Đoàn Hồng G làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu, sử dụng nhưng bị anh Đoàn Hồng B cản trở. Nay ông yêu cầu tuyên bố Biên bản

hội đồng gia tộc lập ngày 14 tháng 7 năm 2000, Giấy cho ngày 02/4/2017 vô hiệu. Yêu cầu giao toàn bộ nhà đất thuộc thửa 121, tờ bản đồ số 7 tại thôn NC, xã NH, thị xã AN cho anh Đoàn Hồng G dùng vào việc thờ cúng.

Tại biên bản tự khai ngày 08/01/2018 và biên bản ghi lời khai ngày 14/3/2018 bị đơn anh Đoàn Hồng B trình bày:

Anh thống nhất nguồn gốc nhà đất như ông Đoàn Hồng A trình bày. Nguyên thủy trên thửa đất số 121, tờ bản đồ số 7, diện tích 480m^2 toạ lạc tại thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã AN, ông bà nội anh có để lại một ngôi nhà tranh vách đất. Nhà xuống cấp trầm trọng nên năm 1970 cha mẹ anh xây dựng lại nhà như hiện nay. Khi cha mẹ anh xây dựng lại nhà ở, vợ chồng chú P sinh sống tại Gia Lai nên không có đóng góp gì, cô O chỉ có góp công theo lẽ thường chứ không có góp của, còn cô Q theo chồng không có đóng góp gì. Sau khi xây dựng nhà xong cha mẹ anh dùng làm nơi sinh hoạt chung của gia đình.

Ngày 14 tháng 7 năm 2000, cha mẹ và các anh chị em trong gia đình họp và lập Biên bản hội đồng gia tộc, phân chia nhà ở cho 3 con trai là F, G, và anh Đoàn Hồng B như ông Đoàn Hồng A trình bày. Biên bản chia nhà ở chưa được công chứng, chứng thực, mỗi người giữ một bản. Tuy nhiên trên phần đất chia cho anh Đoàn Hồng G, vợ chồng anh đã xây dựng một ngôi nhà tường xây gạch, mái lợp ngói, diện tích 30m^2 vào năm 1994 nên vợ anh phải dở nhà giao đất cho anh Đoàn Hồng G. Còn phần anh Đoàn Văn F được chia, do anh Đoàn Văn F ở xa nên vợ chồng anh quản lý phần nhà anh Đoàn Văn F.

Tháng 4 năm 2017 sau khi làm tuần mẹ 49 ngày, các anh chị Đoàn Thị Hồng YY buộc vợ chồng anh phải về sống chung và chăm sóc cha là A. Tuy nhiên do công việc làm ăn nên vợ chồng anh xác định không thể về sống chung với cha. Vì vậy gia đình họp lại và lập Giấy cho nhà ở ngày 02 tháng 4 năm 2017, giao toàn bộ nhà đất đã chia cho 3 người con trai vào ngày 14 tháng 7 năm 2000 cho anh Đoàn Hồng G ở và lo việc thờ cúng và phụng dưỡng cha. Anh có ký vào Giấy cho nhà ở để cha anh vui lòng chứ không có ý nghĩa pháp lý vì nhà cha mẹ phân chia, vợ chồng anh Đoàn Hồng B bỏ tiền tu bổ tổng chi phí 3 cây vàng 24k nên nhà này là tài sản chung vợ chồng anh, anh không có quyền tự định đoạt.

Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hồng A và yêu cầu được sở hữu nhà đất cha mẹ đã chia cho vợ chồng anh theo Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14 tháng 7 năm 2000.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Đoàn Văn F, chị Đoàn Thị Hồng C, chị Đoàn Thị Hồng D, chị Đoàn Thị Hồng E, chị Đoàn Thị Hồng I, chị Đoàn Thị Hồng L, chị Đoàn Thị Hồng M, chị Đoàn Thị Lệ K thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông Đoàn Hồng A và bổ sung thêm:

Tháng 7 năm 2000 gia đình có họp chia nhà như ông Đoàn Hồng A trình bày được thể hiện tại Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14 tháng 7 năm 2000. Đến tháng 12 năm 2016 vào ngày cúng ngu mẹ, gia đình có họp và thống nhất: anh Đoàn Hồng B chăm sóc cha và được nhận phần nhà anh Đoàn Văn F được chia năm 2000 cùng số tiền 40.000.000đ phúng điếu để lo phụng sự cha và nhang khói, cúng giỗ ông bà. Tuy nhiên, do anh Đoàn Hồng B không thực hiện việc chăm sóc cha, cúng giỗ ông bà sơ sài nên tháng 4/2017 gia đình họp lại, và thống nhất lập Giấy cho nhà 02 tháng 4 năm 2017, nội dung: Giao toàn bộ ngôi nhà đã chia theo Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14 tháng 7 năm 2000 cho G quản lý thờ cúng. Anh Đoàn Hồng G có nghĩa vụ nuôi dưỡng cha, thối lại cho anh Đoàn Hồng B 40.000.000đ tiền sửa chữa nhà. Tuy nhiên khi anh Đoàn Hồng G làm hồ sơ chuyển đổi quyền sở hữu theo giấy tặng cho thì anh Đoàn Hồng B khiếu nại.

Các anh chị đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hồng A, thống nhất tuyên bố Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14 tháng 7 năm 2000 và Giấy cho ngày 02/4/2017 vô hiệu. Giao toàn bộ nhà đất tại thôn NC, xã NH, thị xã AN cho anh Đoàn Hồng G dùng vào việc thờ cúng.

- Ông Đoàn Hồng P, bà Đoàn Thị O, bà Đoàn Thị Q trình bày: Nguồn gốc đất ông Đoàn Hồng A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01343 là của cha mẹ ông bà thừa kế lại của ông bà nội theo kiểu cha truyền con nối, chứ không có di chúc. Cha mẹ ông bà có xây dựng một ngôi nhà tranh vách đất, ông Đoàn Hồng A là con trai trưởng nên thừa kế, quản lý sử dụng nhà đất này sau khi cha mẹ của ông bà mất. Năm 1970 nhà bị hư sập, ông Đoàn Hồng A đông con không có tài chính nên ông bà góp công, góp của để xây dựng ngôi nhà diện tích (9mx6m). Nhà xây bằng đá tấp lô, mái lợp ngói nền láng xi măng. Sau khi nhà xây xong, vợ chồng ông Đoàn Hồng A cùng các con ở và thờ tự ông bà. Quá trình sử dụng do nhà có hư hao, dột nát, hư tường vợ chồng ông Đoàn Hồng A có tu bổ lại chứ không có xây dựng sửa chữa gì lớn.

Các ông bà không đồng ý việc gia đình ông Đoàn Hồng A họp phân chia nhà đất của ông bà để lại. Các ông bà yêu cầu giao toàn bộ nhà đất cho một người con của ông Đoàn Hồng A dùng vào việc thờ cúng để con cháu có nơi tìm về cội nguồn của mình.

- Anh Đoàn Hồng G, chị Nguyễn Thị Thùy H trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông Đoàn Hồng A. Do không đảm đương được việc chăm sóc cha, nhang khói cúng giỗ ông bà anh Đoàn Hồng B thưa giao trả lại nhà cho cha. Do đó, ngày 20 tháng 4 năm 2017 gia đình họp lại và thống nhất lập Giấy cho nhà ở, nội dung: anh chị được giao toàn bộ nhà ở, đất ở tại thôn NC, xã NH để lo thờ cúng ông bà, nuôi dưỡng cha đến cuối đời và thối lại cho anh Đoàn Hồng B 40.000.000đ. Anh chị yêu cầu thực hiện Giấy cho nhà ngày 02 tháng 4 năm 2017.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/3/2018 chị Bùi Thị Thùy N trình bày: Chị là vợ anh Đoàn Hồng Đoàn Hồng B. Chị thống nhất lời trình bày và yêu cầu của anh Đoàn Hồng B, không bổ sung gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2018/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã AN quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đoàn Hồng A. Tuyên bố biên bản họp Hội đồng gia tộc lập ngày 14/7/2000 và Giấy cho nhà lập ngày 02/4/2017 vô hiệu.

2. Xác định nguồn gốc thửa đất mang số 121 tờ bản đồ số 7, diện tích 480m^2 gồm 200m^2 đất ở và 280m^2 đất vườn tọa lạc tại thôn NC, xã NH là di sản của ông bà cao đời họ Đ để lại. Nhà ở xây dựng năm 1970 trên thửa đất 121 là tài sản chung của vợ chồng ông Đoàn Hồng A, bà Đoàn Thị O, ông Đoàn Hồng P và bà Đoàn Thị Q.

3. Buộc anh Đoàn Văn F, anh Đoàn Hồng B phải trả lại nhà ở được phân chia cho các đồng sở hữu là vợ chồng A, bà Đoàn Thị O, ông Đoàn Hồng P và bà Đoàn Thị Q quản lý.

4. Buộc anh Đoàn Văn F, G và B phải trả lại toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 121 tờ bản đồ số 7, diện tích 480m^2 gồm 200m^2 đất ở và 280m^2 đất vườn cho tộc họ Đ.

5. Buộc ông Đoàn Hồng A, bà Đoàn Thị O, ông Đoàn Hồng P, bà Đoàn Thị Q cùng nhau hoàn trả cho anh Đoàn Hồng B 31.899.000đ tiền sửa chữa nhà ở và xây dựng thêm chài nhà bếp.

6. Bác lời nại của chị Bùi Thị Thùy N là có đổ đất nâng nền và xây dựng mới một phần nhà có chiều ngang 5m chiều dài 22m vì không đủ chứng cứ và không đúng thực tế.

7. Việc giao toàn bộ nhà ở, đất ở đang tranh chấp tọa lạc tại thôn NC, xã NH cho ai quản lý dùng vào việc thờ cúng và chăm sóc, nuôi dưỡng ông Đoàn Hồng A thuộc quyền quyết định của ông Đoàn Hồng A, Ông Đoàn Hồng P, bà Đoàn Thị O bà Đoàn Thị Q và các đồng thừa kế của bà Hư.

8. Nhà ở do vợ chồng anh Đoàn Hồng G xây dựng thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Đoàn Hồng G.

9. Đình chỉ tranh chấp "Đòi lại ruộng" giữa nguyên đơn Đoàn Hồng A và bị đơn Đoàn Hồng B. Dành quyền khởi kiện cho anh Đoàn Hồng B khi có đơn hợp lệ và nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, bị đơn anh Đoàn Hồng B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Đoàn Hồng A rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc giao toàn bộ nhà đất đang tranh chấp cho ông Đoàn Hồng G làm nơi thờ cúng. Xét thấy, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, được bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp nhận và phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện giao toàn bộ nhà đất đang tranh chấp cho ông Đoàn Hồng G làm nơi thờ cúng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đoàn Hồng B rút kháng cáo về việc yêu cầu giám định năng lực hành vi của ông Đoàn Hồng A. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm anh Đoàn Hồng B không tiến hành thủ tục yêu cầu tuyên bố ông Đoàn Hồng A bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự. Do đó cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu của anh Đoàn Hồng B là phù hợp quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Và anh Đoàn Hồng B cũng không có cơ sở chứng minh ông Đoàn Hồng A bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên tại phiên tòa, anh Đoàn Hồng B tự nguyện rút kháng cáo. Việc ông Đoàn Hồng A rút kháng cáo là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo yêu cầu giám định năng lực hành vi ông Đoàn Hồng A.

[3] Xét kháng cáo của anh Đoàn Hồng B về Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14.7.2000 và Giấy cho nhà ở lập ngày 02 tháng 4 năm 2017.

[3.1] Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14.7.2000 chưa được chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 691 của Bộ luật Dân sự năm 1995 và hướng dẫn tại Điều 2 mục II Nghị Quyết 02/2004/NQ-HĐTP về điều kiện công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập từ sau ngày 15/10/1993.

[3.2] Giấy cho nhà ở lập ngày 02 tháng 4 năm 2017 chưa được công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.3] Hơn nữa, Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14.7.2000 không được sự đồng ý của bên có tài sản là Ông Đoàn Hồng P, bà Đoàn Thị O, bà Đoàn Thị Q là không phù hợp quy định tại Điều 461 Bộ luật dân sự năm 1995. Còn Giấy cho nhà ở

lập ngày 02 tháng 4 năm 2017 không được sự đồng ý của bên có tài sản là bà Đoàn Thị O, bà Đoàn Thị Q là không phù hợp quy định tại Điều 457 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.4] Ngoài ra, Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14.7.2000 không ghi điều kiện tặng cho nhưng lời khai của các đương sự đều xác định sau khi tặng cho tài sản, anh Đoàn Hồng B có nghĩa vụ chăm sóc ông Đoàn Hồng A, lo việc cúng giỗ. Tuy nhiên anh Đoàn Hồng B không thực hiện được các điều kiện sau khi nhận tài sản là vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 1995.

[3.5] Từ phân tích trên, cấp sơ thẩm tuyên bố Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14.7.2000 và Giấy cho nhà ở lập ngày 02 tháng 4 năm 2017 vô hiệu là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thoả thuận như sau: Yêu cầu tuyên bố Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14.7.2000 và Giấy cho nhà ở lập ngày 02 tháng 4 năm 2017 vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích pháp luật nhưng các đương sự vẫn xác định chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu vì để giữ hòa khí trong gia đình. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc tuyên bố Biên bản hội đồng gia tộc lập ngày 14.7.2000 và Giấy cho nhà ở lập ngày 02 tháng 4 năm 2017 vô hiệu.

[4] Án phí:

Án phí sơ thẩm: anh Đoàn Hồng B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Án phí phúc thẩm: anh Đoàn Hồng B phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì anh Đoàn Hồng B không Đoàn Hồng Phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 2 Điều 308, điểm b khoản 1 Điều 299, khoản 3 Điều 284, khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 691 của Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 459 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 8 Điều 26, khoản 4, 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Tuyên bố Biên bản hội đồng gia tộc của gia đình Đoàn Hồng A lập ngày 14 tháng 7 năm 2000 và Giấy cho nhà ở lập ngày 02 tháng 4 năm 2017 vô hiệu.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hồng A về việc giao toàn bộ nhà đất đang tranh chấp cho ông Đoàn Hồng G làm nơi thờ cúng.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo yêu cầu giám định năng lực hành vi ông Đoàn Hồng A.

4. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

4.1. Án phí:

Án phí sơ thẩm: anh Đoàn Hồng B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: anh Đoàn Hồng B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008837 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã AN. Anh Đoàn Hồng B đã nộp xong.

4.2. Chi phí tố tụng khác:

Anh Đoàn Hồng B hoàn trả lại cho ông Đoàn Hồng A 1.000.000đ (Một triệu đồng) chi phí định giá tài sản.

Bà Đoàn Thị O, ông Đoàn Hồng P, bà Đoàn Thị Q mỗi người hoàn trả lại cho ông Đoàn Hồng A 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí định giá tài sản.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã AN;
- CCTHA dân sự thị xã AN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thu